

Bản án số: **25/2021/HS-ST**
Ngày 11-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo, bà Trịnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Văn T**, sinh ngày 03/10/1992 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 19, phường Đ, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 22, phường Đ, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn C và bà Hoàng Thị H; có vợ Lê Thị Huyền T và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lưu Thị N, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương. *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Chị Doãn Thị H, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn N, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 3/2021, Đào Văn T, trú tại tổ 22, phường Đ, thành phố Tuyên Quang, kinh doanh dịch vụ cầm đồ, cho thuê ô tô, xe máy tại tổ 17, phường Đ, đã có hành vi cho 02 cá nhân ở xã C, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ và xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nhiều lần vay tiền, tính lãi suất 4.000 đồng và 5.000 đồng, trên 01 triệu đồng, trên ngày; người vay phải trả tiền lãi theo tháng, kể cả tháng thừa cũng như tháng thiếu (*trương đương lãi suất 144% và 180% một năm, cao gấp 7,2 lần và 9 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, là 20% một năm*), để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Hành vi của Đào Văn T cho chị Doãn Thị H (trú tại thôn N, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ) vay lãi nặng

Ngày 01/5/2019, do có quen biết từ trước, chị H gọi điện cho T hỏi vay số tiền 15.000.000 đồng, T đồng ý và hẹn chị H đến nhà rồi đưa cho chị H một tờ giấy in sẵn, bảo chị H ghi nội dung mượn xe máy (thực tế đây là giấy vay tiền và không ghi mức lãi suất), viết giấy xong chị H đưa cho T và hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 4.000 đồng/1.000.000đ/01 ngày (*trương đương lãi suất 144% một năm, cao gấp 7,2 lần so với lãi suất pháp luật quy định*). Khi đưa tiền cho chị H, T đã thu luôn tiền lãi của tháng đầu là 1.800.000 đồng, còn đưa cho chị H 13.200.000 đồng. Đến ngày 07/9/2019, chị H tiếp tục hỏi vay 5.000.000 đồng và T đã cho chị H vay số tiền này, với mức lãi suất như thỏa thuận ở trên (tổng số tiền gốc mà T đã cho chị H vay là 20.000.000 đồng).

Hàng tháng chị H chuyển trả tiền lãi đối với hai khoản vay trên vào số tài khoản 107868239544 của T, mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Tuyên Quang và đều ghi nội dung giao dịch là “Doan Thi Hue chuyen khoan”. Từ tháng 9/2019 đến tháng 3/2021, chị H đã 15 lần chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho T để trả tiền lãi, tổng số tiền là 34.800.000 đồng (ngày 04/9/2019 chuyển 1.500.000 đồng; 02 lần chuyển tiền, mỗi lần 2.250.000 đồng vào các ngày 07/10, 08/11/2019; 06 lần chuyển tiền, mỗi lần 2.400.000 đồng vào các ngày 12/12/2019 và 18/01, 10/02, 05/3, 11/5, 11/6/2020; 02 lần chuyển tiền, mỗi lần 2.000.000 đồng vào các ngày 30/3, 07/7/2020; 02 lần chuyển tiền, mỗi lần 1.200.000 đồng vào các ngày 17/4, 20/4/2020; tháng 3/2020 chuyển 03 lần, ngày 18/3/2020 chuyển 5.500.000 đồng, 19/3 chuyển 2.500.000 đồng).

Ngoài ra, do có quen biết nên ngày 25/3/2020 chị H nhờ chị Lưu Thị N chuyển vào tài khoản ngân hàng cho T 1.000.000 đồng để trả tiền lãi và cũng ghi nội dung giao dịch là “Doan Thi H chuyen tien”; như vậy, tổng số tiền lãi mà chị H đã trả cho T là 37.600.000 đồng. Đến ngày 23/10/2020, chị H đã trả hết toàn bộ tiền gốc 20.000.000 đồng cho T (trả bằng tiền mặt).

Theo quy định của pháp luật dân sự, thì tiền lãi tối đa đối với khoản vay 20.000.000 đồng trong thời gian như trên là 5.222.222 đồng, nhưng T đã thu của

chị H tổng số tiền lãi là 37.600.000 đồng. T hưởng hưởng lợi bất chính số tiền là **32.377.778 đồng**.

2. Hành vi của Đào Văn T cho chị Lưu Thị N (trú tại thôn Đ, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) vay lãi nặng

- Số tiền vay tính lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày:

Do quen biết từ trước, ngày 04/7/2019 chị Lưu Thị N đến Hiệu cầm đồ của T hỏi vay 10.000.000 đồng để giải quyết việc cá nhân, T đồng ý và đưa cho chị N một tờ giấy nhận tiền in sẵn, bảo chị N ghi nội dung “số tiền 10.000.000 đồng mà T đưa cho chị N làm tiền đặt cọc để mua giúp cho anh T chiếc xe máy Wave nhãn hiệu Honda đã qua sử dụng”. Viết giấy xong, chị N đưa cho T và hai bên thỏa thuận lãi suất vay số tiền trên là 5.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*trương đương lãi suất 180% một năm, cao gấp 09 lần so với lãi suất pháp luật quy định*). Mỗi tháng chị N phải trả tiền lãi là 1.500.000 đồng và khi đưa tiền cho chị N, T đã thu luôn tiền lãi của tháng đầu, còn đưa cho chị N 8.500.000 đồng.

Từ tháng 8 đến tháng 11/2019, chị N đã 04 lần chuyển trả 6.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay trên vào các tài khoản ngân hàng của T (ngày 05/8, 05/11/2019, mỗi lần chuyển 1.500.000 đồng vào số tài khoản 8102250123676 của T mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Tuyên Quang; ngày 05/9, 05/10/2019, mỗi lần chuyển 1.500.000 đồng vào số tài khoản 107868239544 của T mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Tuyên Quang). Đến đầu tháng 11/2019, chị N tiếp tục vay thêm của T 10.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận như trên và T cũng đã thu ngay tiền lãi của tháng đầu là 1.500.000 đồng, còn đưa cho chị N 8.500.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật dân sự, thì tiền lãi tối đa đối với hai khoản vay tổng cộng là 20.000.000 đồng trong thời gian như trên là 1.000.000 đồng, nhưng T đã thu của chị N số tiền lãi là 9.000.000 đồng. T đã hưởng lợi bất chính số tiền là 8.000.000 đồng.

- Số tiền vay tính lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày:

Đến đầu tháng 12/2019, chị N đề nghị và T đồng ý giảm lãi suất đối với khoản tiền vay gốc 20.000.000 đồng trên, từ 5.000 đồng xuống 4.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày (*trương đương lãi suất 144% một năm, cao gấp 7,2 lần so với lãi suất pháp luật quy định*). Từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2021, chị N đã 19 lần chuyển trả tiền lãi vào số tài khoản 107868239544 của T, mở tại Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Tuyên Quang, với tổng số tiền là 37.280.000 đồng (chưa trả tiền vay gốc).

Trong đó, 07 lần chuyển tiền, mỗi lần 2.400.000 đồng trong các ngày 11/12/2019 và 09/01, 06/4, 07/7, 06/8, 05/11/2020 và 05/02/2021; 04 lần chuyển tiền, mỗi lần 2.000.000 đồng trong các ngày 07/02, 07/5/2020 và 06/01, 06/3/2021; ngày 12/3/2020 chuyển 2.200.000 đồng; ngày 06/6/2020 chuyển 1.500.000 đồng; ngày 11/6/2020 chuyển 900.000 đồng; ngày 07/9/2020 chuyển hai lần, một lần 1.000.000 đồng, một lần 1.400.000 đồng; ngày 07/10/2020 chuyển 2.380.000 đồng; ngày 07/12/2020 chuyển 2.300.000 đồng và ngày 07/3/2021 chuyển 800.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật dân sự, thì tiền lãi tối đa đối với khoản vay 20.000.000 đồng trong thời gian như trên là 5.177.778 đồng, nhưng T đã thu của chị N số tiền lãi là 37.280.000 đồng. T đã hưởng lợi bất chính số tiền là 32.102.222 đồng.

Như vậy, việc T cho chị N vay số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất là 4.000 đồng và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày như đã nêu ở trên, T đã thu của chị N tổng số tiền lãi là 46.280.000 đồng. Theo quy định pháp luật dân sự thì tiền lãi tối đa của khoản vay trên là 6.177.778 đồng; T đã hưởng lợi bất chính số tiền là **40.102.222 đồng**.

Ngoài ra, ngày 22/02/2020 do cần tiền giải quyết công việc, chị N tiếp tục vay của T 10.000.000 đồng và T không tính lãi số tiền vay này, chỉ yêu cầu chị N viết giấy vay tiền. Đến ngày 31/3/2020, chị N đã trả cho T 10.000.000 đồng, nhưng T vẫn giữ lại giấy vay tiền để làm căn cứ cho khoản vay đầu tháng 11/2019, vì lúc đó chị N chưa viết giấy vay tiền. Do không có tiền để tiếp tục trả cho T, ngày 16/3/2021 chị N đã làm đơn tố giác hành vi cho vay lãi nặng của T và gửi đến Cơ quan điều tra.

Như vậy, với tổng số tiền gốc mà Đào Văn T đã cho chị Doãn Thị H và chị Lưu Thị N vay là 40.000.000 đồng (mỗi người vay 20.000.000 đồng), lãi suất là 4.000 đồng và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày như đã nêu ở trên; T đã thu tiền lãi của chị H và chị N tổng số tiền là 83.880.000 đồng (theo quy định pháp luật dân sự, thì tiền lãi tối đa đối với các khoản vay trên là 11.400.000 đồng). T đã hưởng lợi bất chính tổng số tiền là **72.480.000 đồng**.

Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Đào Văn T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đào Văn T như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Truy thu của bị cáo Đào Văn T số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 11.400.000 đồng. Tổng số tiền truy thu từ bị cáo Đào Văn T là 31.400.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước. Truy thu của chị Lưu Thị N số tiền gốc mà bị cáo T cho chị N vay chưa trả là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo Đào Văn T phải có nghĩa vụ trả lại tổng số tiền 72.480.000 đồng (Bảy mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) cho người

vay, cụ thể: Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị N số tiền 40.102.222 đồng (*Bốn mươi triệu một trăm linh hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng*); buộc bị cáo Đào Văn T trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Doãn Thị H số tiền 32.377.778 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng*).

Tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Đào Văn T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng, lắp 01 sim.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Đào Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đào Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các bản sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng, hình ảnh giấy vay tiền lưu trên ứng dụng Facebook, lời khai của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 3/2021, Đào Văn T, sinh năm 1992, trú tại tổ 22, phường Đ, thành phố Tuyên Quang đã có hành vi cho 02 cá nhân vay số tiền 40.000.000 đồng (cho mỗi người vay 20.000.000 đồng), với lãi suất 4.000 đồng và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01ngày (*tương đương lãi suất 144% và 180% trên năm, cao gấp 7,2 lần và 9 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự*). Tổng số tiền lãi T đã thu là 83.880.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định là 11.400.000 đồng, tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 72.480.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo Đào Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 201 -Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý kinh tế, tiền tệ của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn điều đứng; không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe, có nhận thức, biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh, để nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như giáo dục ý thức pháp luật chung trong quần chúng nhân dân.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy khi lượng hình cần cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng đảm bảo việc răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng mà bị cáo T sử dụng cho 02 cá nhân vay số tiền 40.000.000 đồng (cho chị Doãn Thị H và chị Lưu Thị N mỗi người vay 20.000.000 đồng). Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã thu về số tiền gốc 20.000.000 đồng từ chị Doãn Thị H nên cần truy thu từ bị cáo T; Đối với số tiền gốc còn lại là 20.000.000 đồng hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị N chưa trả cho bị cáo T thì cần truy thu số tiền này từ chị N.

- Đối với khoản tiền lãi 72.480.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) mà bị cáo Đào Văn T đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Doãn Thị H, Lưu Thị N) vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, thì cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Như vậy, bị cáo Đào Văn T phải trả cho chị Lưu Thị N, trú tại Thôn Đ, xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương số tiền 40.102.222 đồng; trả cho chị Doãn Thị H, trú tại Thôn N, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ số tiền 32.277.778 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi 11.400.000 đồng không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà bị cáo T đã thu của 02 cá nhân vay. Đây là số tiền bị cáo Đào Văn T thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng kèm 01 sim của bị cáo, xét thấy bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo Đào Văn T cho chị Lưu Thị N vay ngày 22/02/2020, nhưng không tính lãi và đến ngày 31/3/2020, chị N đã trả cho T toàn bộ số tiền này. Xác định đây là giao dịch vay mượn dân sự, nên không đề cập xem xét, xử lý.

Đối với các hành vi của bị cáo Đào Văn T cho nhiều người khác vay tiền có thu lãi, nhưng lãi suất thu chưa vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định pháp luật dân sự, hoặc đã tính lãi vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định pháp luật, nhưng do số tiền vay ít, vay trong thời gian ngắn; khi chưa trả tiền lãi, người vay đề nghị và bị cáo đã đồng ý không thu tiền lãi. Vì vậy không xem xét, xử lý đối với các khoản vay này.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đào Văn T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu của bị cáo Đào Văn T số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi 11.400.000 đồng. Tổng số tiền truy thu từ bị cáo Đào Văn T là 31.400.000đ (Ba mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của chị Lưu Thị N, trú tại Thôn Đ, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương. số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Đào Văn T phải có nghĩa vụ trả lại tổng số tiền 72.480.000 đồng (bảy mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) cho người vay, cụ thể: Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị N, trú tại Thôn Đ, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương số tiền 40.102.222 đồng (Bốn mươi triệu một trăm linh hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng); buộc bị cáo Đào Văn T trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Doãn Thị H, trú tại Thôn N, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ số tiền 32.377.778 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Đào Văn T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, số máy MWHH2VN/A, số seri: FK1ZKMXMN70W; số IMEI 1: 353911103657392, số IMEI 2: 353911103667771, đang lắp sim Viettel số 8984048000005290426, đựng trong 01 (một) bì niêm phong dán kín, có chữ ký của Nguyễn Sơn Đông và 05 dấu hình tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang tại mép trên mặt bì niêm phong có ghi đặc điểm vật chứng được niêm phong là: Điện thoại thu giữ của bị can Đào Văn T, vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xảy ra tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 29/7/2021).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đào Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/8/2021. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang
(CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Hà

